

Số: /QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư
phát triển thành phố Cần Thơ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh Bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng ngày 27 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 11 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thi điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Nghị định số 302/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về Quỹ nhà ở quốc gia và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thi điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 12 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc tổ chức, sắp xếp lại Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ trên cơ sở hợp nhất Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 2266/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc giao Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ thực hiện mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ nhà ở thành phố Cần Thơ;

Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ và Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1329/QĐ-UBND ngày 15 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Hậu Giang, Quyết định số 743/QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở: Tài chính, Nội vụ, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ, Giám đốc, Trưởng ban Ban kiểm soát Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- VP UBND TP (2H, 3B);
- Lưu: VT. TĐ

E/2026/QĐUB/STC: ban hành Điều
lệ Quỹ ĐĐTPT TP

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Vương Quốc Nam

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi và nơi đặt trụ sở

1. Tên gọi của Quỹ

a) Tên gọi đầy đủ: Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Quỹ);

b) Tên giao dịch quốc tế: Can Tho City Development Investment Fund;

c) Tên viết tắt: CADIF.

2. Nơi đặt trụ sở

a) Trụ sở chính: Số 24 - 26 đường Lý Thái Tổ, phường Hưng Phú, thành phố Cần Thơ;

b) Trụ sở 2: Số 47 đường Võ Văn Kiệt, phường Vị Tân, thành phố Cần Thơ.

3. Điện thoại, trang điện tử

a) Điện thoại: 0292.3817 704;

b) Trang điện tử: www.cadif.vn.

Điều 2. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật

1. Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quyết định tổ chức, sắp xếp lại; hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; thực hiện chức năng cho vay và đầu tư tại địa phương theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Nghị định số 147/2020/NĐ-CP). Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ.

2. Quỹ có tư cách pháp nhân, có vốn điều lệ, có con dấu, được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại hoạt động hợp pháp tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Người đại diện theo pháp luật

Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

Điều 3. Nguyên tắc và phạm vi hoạt động

1. Nguyên tắc hoạt động

- a) Tự chủ về tài chính, không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn; hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước;
- b) Chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi vốn điều lệ;
- c) Thực hiện cho vay, đầu tư đúng đối tượng và điều kiện theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

2. Phạm vi hoạt động

- a) Huy động vốn trung, dài hạn từ các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và pháp luật có liên quan;
- b) Cho vay các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;
- c) Đầu tư các dự án, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;
- d) Ủy thác cho vay, đầu tư; nhận ủy thác quản lý các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật, Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này;
- đ) Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật;
- e) Thực hiện mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ nhà ở thành phố Cần Thơ (sau đây gọi tắt là Quỹ nhà ở) theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 302/2025/NĐ-CP ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết về Quỹ nhà ở quốc gia và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội (sau đây gọi tắt là Nghị định số 302/2025/NĐ-CP).

Điều 4. Vốn điều lệ của Quỹ

1. Vốn điều lệ thực có (khi tổ chức, sắp xếp lại Quỹ) là 865.437.684.318 đồng (*Tám trăm sáu mươi lăm tỷ, bốn trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm mười tám đồng*), trong đó:

- a) Vốn từ nguồn ngân sách thành phố cấp: 732.318.160.000 đồng;
- b) Vốn từ nguồn quỹ đầu tư phát triển: 133.119.524.318 đồng.

2. Căn cứ chiến lược hoạt động từng giai đoạn, để đảm bảo nguồn vốn thực hiện nhiệm vụ, Quỹ Đầu tư phát triển trình cấp có thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ theo quy định ghi nhận tại báo cáo tài chính.

Chương II **CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CỦA QUỸ**

Điều 5. Cơ cấu tổ chức của Quỹ

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ, gồm có:

a) Hội đồng quản lý;

b) Ban Kiểm soát;

c) Ban điều hành gồm: Giám đốc Quỹ, các Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng và bộ máy giúp việc (các Phòng, Ban chuyên môn, nghiệp vụ).

2. Thẩm quyền quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 8, Điều 15, Điều 21 và Điều 22 của Điều lệ này.

Mục 1 **HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**

Điều 6. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ là đại diện của Ủy ban nhân dân thành phố, được giao, ủy quyền tổ chức thực hiện một số quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu; quyết định và tổ chức thực hiện các vấn đề liên quan đến việc xác định và thực hiện chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm và quyền hạn của Quỹ theo quy định tại Chương III Điều lệ này.

2. Hội đồng quản lý Quỹ có tối đa 05 người. Căn cứ vào quy mô, tính chất và điều kiện thực tế hoạt động của Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố quyết định số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản lý Quỹ theo nguyên tắc tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ là số lẻ.

3. Cơ cấu Hội đồng quản lý Quỹ, gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý (sau đây gọi là thành viên Hội đồng quản lý). Giám đốc Quỹ kiêm nhiệm Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ. Các thành viên khác của Hội đồng quản lý hoạt động kiêm nhiệm nhưng không được kiêm nhiệm bất kỳ chức vụ quản lý khác tại Quỹ.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ

a) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản lý Quỹ là năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

b) Trong thời hạn 90 ngày trước khi kết thúc nhiệm kỳ:

- Hội đồng quản lý Quỹ tổng kết, đánh giá hoạt động nhiệm kỳ của mình và chuyển giao công việc tồn đọng (nếu có) cho Hội đồng quản lý nhiệm kỳ tiếp theo. Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm phối hợp với Ban Giám đốc Quỹ xây dựng báo cáo tổng kết nhiệm kỳ trình Hội đồng quản lý thông qua;

- Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ đề nghị Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ nhiệm Hội đồng Quản lý Quỹ nhiệm kỳ tiếp theo, bảo đảm hoạt động của Hội đồng Quản lý không bị gián đoạn.

Điều 7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Thông tư số 86/2021/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Quỹ Đầu tư phát triển địa phương (sau đây gọi tắt là Thông tư số 86/2021/TT-BTC):

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ;

b) Thông qua kế hoạch hoạt động 05 năm và kế hoạch tài chính hàng năm của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

c) Ban hành hoặc sửa đổi các quy chế hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, bao gồm: Quy chế quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, mua sắm và quản lý tài sản cố định; Quy chế huy động vốn; Quy chế cho vay; Quy chế quản lý các khoản đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; Quy chế quản lý các khoản đầu tư theo hình thức hợp đồng, thực hiện dự án đầu tư; Quy chế quản lý hoạt động ủy thác và nhận ủy thác; Quy chế xử lý rủi ro; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế trả lương, thù lao; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế quản lý sử dụng quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quy chế khác phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của Quỹ;

d) Giám sát, kiểm tra bộ máy điều hành của Quỹ trong việc chấp hành các chính sách và pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý;

đ) Thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay và mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

e) Quyết định hoạt động cho vay, đầu tư, phương án huy động vốn và xử lý rủi ro thuộc thẩm quyền;

g) Thông qua báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi, trích lập các quỹ hàng năm của Quỹ sau khi có ý kiến thẩm định của Ban Kiểm soát để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

h) Trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định ban hành sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

i) Quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh theo thẩm quyền quy định tại Điều lệ này;

k) Ban hành hoặc sửa đổi Quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác quy định tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Trình Ủy ban nhân dân thành phố xin ý kiến về quy chế xử lý rủi ro theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn như vai trò Hội đồng thành viên về cơ chế tiền lương, tiền thưởng, thù lao, phụ cấp của người quản lý, người lao động của Quỹ theo quy định của pháp luật đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Nội vụ (nếu có);

c) Trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt tổ chức bộ máy của Quỹ;

d) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Quản lý;

đ) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo phân công, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Ủy ban nhân dân thành phố quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý:

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, ngân hàng, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán. Riêng đối với chức danh Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ áp dụng theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 10 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

đ) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Quỹ (sau đây gọi là người có liên quan);

e) Không phải là người có liên quan của người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản lý;

g) Tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án;

c) Vi phạm nghiêm trọng các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Có quyết định điều chuyển công tác hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo quy định pháp luật về công tác cán bộ.

Điều 9. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Hội đồng quản lý Quỹ

1. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

a) Phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên của Hội đồng quản lý Quỹ;

b) Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 7 của Điều lệ này;

c) Thay mặt Hội đồng quản lý Quỹ ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

d) Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ; có quyền hủy bỏ các Quyết định của Giám đốc Quỹ trái với Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

đ) Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản lý ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc cho thành viên Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về các nhiệm vụ được ủy quyền;

e) Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật, ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố và Quy chế, quy định của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Thành viên của Hội đồng quản lý có nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tham dự họp Hội đồng quản lý Quỹ; thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý;

b) Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công hoặc ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản lý;

c) Yêu cầu Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý của Quỹ cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động của Quỹ để phục vụ công tác của mình. Người được yêu cầu phải cung cấp thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác.

3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản lý có nghĩa vụ:

a) Tuân thủ pháp luật, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Điều lệ của Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; không sử dụng thông tin hoạt động của Quỹ hoặc lợi dụng chức vụ và tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của người khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Quỹ về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại Quỹ;

đ) Chấp hành Nghị quyết của Hội đồng quản lý;

e) Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

- Lợi dụng danh nghĩa Quỹ thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;
- Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Quỹ và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với Quỹ.

4. Trường hợp thành viên Hội đồng quản lý phát hiện có thành viên Hội đồng có hành vi vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản với Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ; yêu cầu thành viên vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 10. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 03 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng quản lý Quỹ. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, Trưởng ban Ban kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự. Thành viên Hội đồng quản lý vắng mặt tại cuộc họp phải báo cáo và được chủ tọa cuộc họp đồng ý. Cuộc họp do Chủ tịch hoặc một thành viên khác được Chủ tịch ủy quyền (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa. Trong trường hợp cấp bách không tổ chức họp, việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ phải được thực hiện bằng văn bản.

3. Tài liệu họp Hội đồng quản lý phải được Quỹ chuẩn bị và gửi tới các thành viên Hội đồng quản lý tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp.

4. Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi thành viên Hội đồng quản lý có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có hiệu lực khi có trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp Hội đồng quản lý. Thành viên Hội đồng quản lý có quyền bảo lưu ý kiến của mình và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

5. Nội dung các vấn đề thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của các cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các thành viên tham dự cuộc họp cùng ký xác nhận. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản lý. Các Nghị quyết và Quyết định phải được gửi tới tất cả các thành viên của Hội đồng quản lý, Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

6. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Quỹ phải có trách nhiệm chấp hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 11. Chế độ thù lao, phụ cấp, thưởng của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Mọi chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý theo quy định được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên của Hội đồng quản lý được hưởng chế độ thù lao, phụ cấp, thưởng theo quy định hiện hành áp dụng cho Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn. Mức chi cụ thể theo quy chế của Quỹ và văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền.

Điều 12. Thư ký Hội đồng quản lý Quỹ

1. Thư ký Hội đồng quản lý do Chủ tịch Hội đồng quản lý bổ nhiệm trong số Lãnh đạo Văn phòng của Quỹ. Được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm theo quy chế chi tiêu nội bộ của Quỹ.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn

- a) Phát hành tài liệu cho thành viên Hội đồng quản lý;
- b) Ghi chép biên bản các kỳ họp Hội đồng quản lý;
- c) Dự thảo các Nghị quyết, Quyết định, Thông báo của kỳ họp trình Chủ tịch Hội đồng quản lý ký ban hành;
- d) Tổng hợp ý kiến thành viên Hội đồng quản lý trong trường hợp lấy ý kiến bằng phiếu, tham mưu Giám đốc Quỹ báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản lý xem xét, quyết định. Thực hiện quản lý và lưu trữ hồ sơ theo quy định;
- đ) Được yêu cầu các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Quỹ cung cấp hồ sơ, tài liệu phục vụ cho nhiệm vụ của mình và hoạt động của Hội đồng Quản lý Quỹ;
- e) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn khác theo yêu cầu của Hội đồng quản lý Quỹ.

Mục 2 BAN KIỂM SOÁT QUỸ

Điều 13. Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ kiểm soát việc tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu và việc quản lý điều hành tại Quỹ.

2. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, trong đó có 01 (một) Trưởng ban phụ trách hoạt động của Ban kiểm soát.

3. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát là năm (05) năm tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực. Việc bổ nhiệm lại, thời hạn giữ chức vụ dưới 05 (năm) năm do cấp thẩm quyền quyết định. Trước khi kết thúc nhiệm kỳ, trong thời hạn 90 ngày, việc bổ nhiệm lại hoặc thay thế thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Điều lệ này và bảo đảm hoạt động của Ban kiểm soát không bị gián đoạn.

Điều 14. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát Quỹ

1. Nhiệm vụ

a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ, Điều lệ tổ chức hoạt động và các quy chế hoạt động; Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố nhằm bảo đảm hiệu quả hoạt động và an toàn tài sản của Quỹ. Trường hợp phát hiện các hành vi vi phạm chính sách, chế độ theo quy định, Ban kiểm soát Quỹ có trách nhiệm báo cáo ngay với Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Thẩm định báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính, phân phối chênh lệch thu chi và việc trích lập các quỹ, báo cáo tình hình thực hiện tiền lương và tiền thưởng theo quy định của pháp luật;

c) Lập kế hoạch thực hiện; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác giám sát, kiểm tra;

d) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Quyền hạn

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin, tiếp cận hồ sơ, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động và tài chính của Quỹ;

b) Được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Hội đồng quản lý, họp Ban Giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Khi tham dự các cuộc họp, Ban kiểm soát có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền biểu quyết;

c) Được sử dụng con dấu của Quỹ trong thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát.

3. Nghĩa vụ

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và các Quyết định, Nghị quyết của Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của Quỹ và Ủy ban nhân dân thành phố;

c) Trung thành với lợi ích của Quỹ; quản lý và bảo mật thông tin theo quy định của Quỹ. Không lợi dụng quyền hạn được giao để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ; không lợi dụng thông tin, chức vụ, tài sản của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thường xuyên nắm bắt tình hình, thu thập thông tin, báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân thành phố về hoạt động của Quỹ theo chế độ quy định;

đ) Các nghĩa vụ khác theo các quy định của Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ.

Điều 15. Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ đề nghị Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng ban Ban kiểm soát. Các thành viên khác của Ban kiểm soát do Hội đồng quản lý bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Ban kiểm soát.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên Ban kiểm soát

a) Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

b) Không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2, Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

c) Không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành, nhân viên trong Ban điều hành của Quỹ; không phải là người có liên quan của người quản lý Quỹ, thành viên Ban kiểm soát hoặc người có thẩm quyền bổ nhiệm các chức danh này;

d) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng, quản lý kinh tế, quản trị kinh doanh;

đ) Không được là người quản lý, kiểm soát viên tại doanh nghiệp khác không phải là doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư của Quỹ (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác); không phải là người lao động của Quỹ;

e) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Hội đồng quản lý và phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng ban Ban kiểm soát

a) Đáp ứng được tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm ít nhất 03 (ba) năm về một trong các lĩnh vực kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng;

c) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong những trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện thành viên Ban kiểm soát hoặc tiêu chuẩn, điều kiện của Trưởng ban Ban kiểm soát;

b) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị Tòa án kết án bằng bản án;

c) Lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động của Quỹ, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao, vi phạm nghiêm trọng các quy chế của Quỹ, quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật liên quan đến mức bị kỷ luật;

d) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật;

đ) Khi có quyết định điều chuyển công tác hoặc bố trí công việc khác;

e) Nghỉ hưu;

g) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của cấp có thẩm quyền.

5. Chế độ hoạt động của Ban kiểm soát; trách nhiệm, quyền hạn; việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu; mối quan hệ giữa Ban kiểm soát Quỹ với các tổ chức, cá nhân có liên quan và các nội dung khác thực hiện theo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Điều 16. Chế độ lương, thưởng, phụ cấp của Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát được hưởng lương, thưởng, phụ cấp và các quyền lợi khác theo quy chế của Quỹ và văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định. Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ.

Mục 3 GIÁM ĐỐC QUỸ

Điều 17. Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, trực tiếp điều hành hoạt động hàng ngày của Quỹ theo chiến lược, mục tiêu, kế hoạch của Quỹ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Quỹ và các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Trường hợp tại thời điểm chưa có Giám đốc Quỹ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phân công một Phó Giám đốc phụ trách, điều hành Quỹ đến khi có Giám đốc mới. Phó Giám đốc phụ trách, điều hành Quỹ thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, hưởng các chế độ và chịu trách nhiệm theo chức danh Giám đốc Quỹ quy định tại Điều lệ này.

3. Thời hạn giữ chức vụ Giám đốc cho mỗi nhiệm kỳ bổ nhiệm là năm (05) năm, tính từ thời điểm quyết định bổ nhiệm có hiệu lực. Việc bổ nhiệm lại, thời hạn giữ chức vụ dưới 05 năm do cấp thẩm quyền quyết định. Trong thời hạn 90 ngày trước khi kết thúc nhiệm kỳ, việc bổ nhiệm lại hoặc tuyển chọn thay thế Giám đốc Quỹ thực hiện theo quy định khoản 1 Điều 21 Điều lệ này và bảo đảm hoạt động của Quỹ không bị gián đoạn.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, bao gồm:

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các Quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố;

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành các quy chế hoạt động nghiệp vụ, quy định của Quỹ theo thẩm quyền;

c) Quyết định quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (Trưởng hoặc Phó phòng/ban nghiệp vụ) và người lao động không giữ chức vụ (sau đây gọi chung là người lao động) theo quy định do Giám đốc Quỹ ban hành và các quy định của pháp luật có liên quan. Nhưng không được bổ nhiệm người có liên quan giữ chức vụ lãnh đạo trong các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ, làm thủ quỹ, thủ kho hoặc người phụ trách tài chính của Quỹ;

d) Trực tiếp quản lý tài sản, vốn hoạt động và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Ủy ban nhân dân thành phố và Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ này, bao gồm:

a) Đề xuất và trình Hội đồng quản lý Quỹ đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại Điều 7 Điều lệ này;

b) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ ủy quyền nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này;

c) Ban hành theo thẩm quyền các quy chế, quy định, quy trình nội bộ để tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo Điều lệ này hoặc phân cấp của Hội đồng quản lý Quỹ;

d) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến điều hành công việc hàng ngày của Quỹ;

đ) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ;

e) Xây dựng chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động, kế hoạch hoạt động 05 năm và hàng năm; xây dựng chiến lược, kế hoạch huy động vốn, kế hoạch đầu tư, kế hoạch tài chính trình Hội đồng quản lý thông qua để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt;

g) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan. Xây dựng các tiêu chuẩn, định mức chi tiêu trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua để làm căn cứ thực hiện;

h) Lập phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận; trích lập và sử dụng các quỹ trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định;

i) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng quản lý, đề nghị Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định về công tác cán bộ theo quy định tại Điều lệ này;

k) Ban hành quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của phòng chuyên môn thuộc Quỹ. Xây dựng Quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ từng thành viên Ban Giám đốc đảm bảo phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao;

l) Xây dựng và ban hành chức danh công việc, vị trí công việc đối với người lao động Quỹ sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng Quản lý Quỹ;

m) Đề xuất những vấn đề khác liên quan đến tổ chức và hoạt động (bao gồm: chủ trương, cơ chế, chính sách, dự án...) phù hợp với mục tiêu, hoạt động của Quỹ trình Hội đồng quản lý quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

Điều 19. Trách nhiệm của Giám đốc Quỹ

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Quỹ, Quyết định của Hội đồng quản lý và Ủy ban nhân dân thành phố trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Quỹ và chủ sở hữu Quỹ.

3. Trung thành với lợi ích của Quỹ; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, tài sản khác của Quỹ để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ủy ban nhân dân thành phố về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo phải được lưu giữ tại Quỹ.

Điều 20. Tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc Quỹ

1. Là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp năm 2020.

2. Có trình độ đại học trở lên, có năng lực quản lý và kinh nghiệm ít nhất 05 năm về một trong các lĩnh vực kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán.

3. Không phải người có liên quan của người quản lý Quỹ, thành viên Ban kiểm soát, thủ quỹ và người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Giám đốc Quỹ.

4. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng quản lý, thành viên Hội đồng quản lý, Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tại Quỹ hoặc ở doanh nghiệp nhà nước khác.

5. Không được kiêm nhiệm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của doanh nghiệp khác.

6. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết và có ý thức chấp hành pháp luật.

7. Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 21. Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ

1. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Quản lý Quỹ, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Giám đốc Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trước thời hạn trong các trường hợp sau:

a) Không còn đáp ứng được đầy đủ tiêu chuẩn, điều kiện của Giám đốc Quỹ theo quy định tại Điều 20 Điều lệ này;

b) Không hoàn thành các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý Quỹ giao mà không giải trình được nguyên nhân chính đáng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc có hệ thống các Nghị quyết, Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố, Hội đồng quản lý Quỹ, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đến mức bị kỷ luật;

d) Không trung thực trong thực thi các nhiệm vụ, quyền hạn được giao hoặc sử dụng vốn, tài sản của Quỹ, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để tư lợi hoặc làm lợi cho người khác;

đ) Báo cáo không trung thực tình hình hoạt động và tài chính của Quỹ;

e) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố, bị tòa án kết án bằng bản án;

g) Xin từ chức và được cấp có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản theo đúng trình tự quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ;

h) Khi có quyết định điều chuyển công tác hoặc bố trí công việc khác;

i) Nghỉ hưu;

k) Có đơn xin nghỉ việc;

l) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

Mục 4

PHÓ GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Điều 22. Phó Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Giám đốc

a) Quỹ có các Phó Giám đốc, số lượng cụ thể do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định từng thời điểm. Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ đề nghị Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Phó Giám đốc Quỹ;

b) Phó Giám đốc có nhiệm vụ giúp Giám đốc trong việc điều hành hoạt động Quỹ theo phân công và ủy quyền; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ phân công và ủy quyền;

c) Tiêu chuẩn, điều kiện: là công dân Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự; không là người có liên quan của người quản lý Quỹ hoặc người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Phó Giám đốc; có trình độ đại học trở lên và có tối thiểu 03 (ba) năm kinh nghiệm về một trong các lĩnh vực: kinh tế, tài chính, ngân hàng, đầu tư, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán, xây dựng; tiêu chuẩn, điều kiện khác theo yêu cầu quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố trong từng thời điểm.

2. Kế toán trưởng

a) Trên cơ sở ý kiến của Hội đồng Quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ đề nghị Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố quyết định việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng;

b) Kế toán trưởng Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác kế toán của Quỹ, giúp Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ quản lý, giám sát tài chính tại Quỹ theo quy định của pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân công hoặc ủy quyền, thực hiện các chức năng và nhiệm vụ khác được quy định theo Luật Kế toán và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế và các văn bản hướng dẫn (nếu có);

c) Kế toán trưởng Quỹ phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Kế toán và pháp luật có liên quan.

3. Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng được bổ nhiệm có thời hạn là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại. Quy trình, thủ tục bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Phó Giám đốc Quỹ, Kế toán trưởng thực hiện theo quy định của pháp luật.

Mục 5

BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 23. Bộ máy giúp việc

1. Bộ máy giúp việc của Quỹ gồm: Các Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Quỹ do Hội đồng quản lý Quỹ quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, có chức năng tham mưu, giúp việc theo quy định và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ giao.

2. Việc quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, từ chức, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với các chức danh của bộ máy giúp việc (Trưởng hoặc Phó phòng/ban nghiệp vụ) và người lao động không giữ chức vụ do Giám đốc Quỹ quyết định theo quy định Điều 18 của Điều lệ này.

3. Trưởng hoặc Phó phòng/ban chuyên môn, nghiệp vụ và người lao động không giữ chức vụ chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng/ban, Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Quỹ.

Điều 24. Quản lý, tuyển dụng và sử dụng lao động của Quỹ

1. Việc quản lý, tuyển dụng và sử dụng lao động thực hiện theo quy chế của Quỹ.

2. Căn cứ vào nhu cầu thực tế, Giám đốc Quỹ xây dựng kế hoạch tuyển dụng lao động trình Hội đồng quản lý phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Chương III

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Mục 1

CHỨC NĂNG VÀ NHIỆM VỤ

Điều 25. Xây dựng danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ

1. Căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm, tình hình thực tế của địa phương và quy mô hoạt động của Quỹ, hàng năm hoặc trong từng thời kỳ, Quỹ đề xuất danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương bao gồm: giáo dục, y tế, công nghiệp, nông nghiệp, ngư nghiệp, môi trường, năng lượng, nhà ở, văn hóa, du lịch, giao thông, các lĩnh vực khuyến khích xã hội hóa và các lĩnh vực ưu tiên phát triển khác theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

2. Trên cơ sở danh mục đề xuất của Giám đốc Quỹ, Hội đồng quản lý thống nhất thông qua và trình Ủy ban nhân dân thành phố rà soát, báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ.

3. Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thông qua danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ. Trường hợp có nhu cầu bổ sung hoặc điều chỉnh danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 26. Hoạt động đầu tư

1. Quỹ thực hiện nguyên tắc và hình thức đầu tư, đối tượng đầu tư, đầu tư thành lập tổ chức kinh tế, đầu tư góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế; đầu tư theo hình thức hợp đồng và thực hiện dự án đầu tư; giới hạn đầu tư theo quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20 và Điều 22 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Căn cứ danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành, khả năng nguồn lực, Quỹ nghiên cứu, lựa chọn, đề xuất và thực hiện dự án đầu tư theo mục tiêu hoạt động.

a) Tập trung ưu tiên đầu tư dự án tái định cư, nhà ở, nhà ở xã hội, khu đô thị mới... tạo quỹ đất, quỹ nhà ở phục vụ cho nhu cầu nhà ở cho người dân trên địa bàn và thu hút đầu tư, tạo nguồn thu ngân sách theo chủ trương, quyết định đầu tư của cơ quan, người có thẩm quyền;

b) Các dự án khác được cơ quan, người có thẩm quyền giao nhiệm vụ hoặc do Quỹ đề xuất theo nguyên tắc không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn của Quỹ.

3. Dự án đầu tư do Quỹ thực hiện thuộc khoản 2 Điều này mà có sản phẩm tạo ra là bất động sản thì Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức khai thác, kinh doanh thông qua việc chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, cầm cố, thế chấp, bán sản phẩm tạo ra từ dự án, trực tiếp vận hành khai thác dự án và các hình thức khác phù hợp với quy định pháp luật về đất đai, kinh doanh bất động sản và pháp luật khác có liên quan và nhằm đảm bảo việc thu hồi vốn sau đầu tư (trừ dự án, sản phẩm bàn giao lại cho cơ quan khác khai thác) theo quy chế của Quỹ. Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành cơ chế tài chính hoàn trả lại vốn sau đầu tư cho Quỹ đối với dự án không trực tiếp khai thác (dự án bàn giao lại cho cơ quan khác khai thác).

4. Giao đất, cho thuê đất cho Quỹ thực hiện dự án đầu tư

Quỹ được giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư; tùy theo mục đích đầu tư từng dự án, Ủy ban nhân dân thành phố sẽ quyết định hình thức giao đất, cho thuê đất có thu tiền, không thu tiền sử dụng đất theo quy định.

5. Thẩm quyền quyết định đầu tư

a) Quỹ quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị đến 10% (trừ điểm b khoản này) vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư;

b) Ủy ban nhân dân thành phố quyết định mức vốn đầu tư vào một doanh nghiệp hoặc mức vốn đầu tư vào một dự án có giá trị trên 10% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định đầu tư; dự án có giá trị theo quy định tại điểm a khoản này, thuộc trường hợp Quỹ không trực tiếp khai thác (bàn giao lại cho cơ quan khác khai thác), được hoàn trả lại vốn sau đầu tư cho Quỹ;

c) Cấp nào quyết định đầu tư thì có thẩm quyền quyết định việc chuyển nhượng dự án đầu tư, tạm ngừng, ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư; quyết định chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế.

Điều 27. Hoạt động cho vay

Quỹ được cho vay, cho vay hợp vốn đối với các dự án thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các hoạt động cho vay do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

1. Đối tượng, điều kiện và thời hạn cho vay thực hiện theo quy định tại Điều 23 và Điều 24 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định mức lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ trên cơ sở đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

3. Mức lãi suất cho vay đối với từng dự án cụ thể do Quỹ quyết định, nhưng không thấp hơn mức lãi suất cho vay tối thiểu do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của nhà tài trợ quốc tế có quy định về lãi suất cho vay khác với quy định tại Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

5. Giới hạn cho vay

a) Giới hạn cho vay đối với một dự án tại thời điểm giải ngân không vượt quá 20% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn;

b) Tổng mức dư nợ cho vay đối với một khách hàng của Quỹ không được vượt quá 25% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn;

c) Đối với một dự án, trường hợp Quỹ vừa cho vay vừa đầu tư thì tổng giới hạn đầu tư và cho vay tại thời điểm giải ngân không vượt quá 30% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm giải ngân vốn;

d) Đối với dự án sử dụng nguồn vốn của các nhà tài trợ quốc tế có quy định về giới hạn cho vay khác với quy định của Điều lệ này thì thực hiện theo thỏa thuận đã ký kết với nhà tài trợ.

6. Thẩm quyền quyết định cho vay

a) Quỹ quyết định đối với dự án cho vay có giá trị không quá 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay;

b) Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đối với dự án cho vay có giá trị lớn hơn 15% vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính gần nhất tại thời điểm quyết định cho vay, đảm bảo đáp ứng quy định về giới hạn cho vay quy định tại Khoản 5 Điều này.

7. Bảo đảm tiền vay

a) Tùy thuộc vào từng dự án cụ thể, Quỹ xem xét, lựa chọn một, một số hoặc tất cả các biện pháp bảo đảm tiền vay sau đây:

- Cầm cố, thế chấp tài sản của chủ đầu tư;
- Cầm cố, thế chấp bằng tài sản hình thành trong tương lai;
- Bảo lãnh của bên thứ ba;

- Các biện pháp bảo đảm tiền vay khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; trường hợp áp dụng biện pháp bảo đảm tiền vay bằng “tín chấp” do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định.

b) Quỹ được xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật và hợp đồng tín dụng ký giữa Quỹ và chủ đầu tư vay vốn.

8. Cho vay hợp vốn: thực hiện theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này.

9. Việc phân loại nợ, trích lập quỹ dự phòng rủi ro và xử lý rủi ro trong hoạt động cho vay; cơ cấu lại thời hạn trả nợ và bán nợ thực hiện theo quy định tại Điều 30, Điều 31 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Quy chế xử lý rủi ro của Quỹ.

Điều 28. Hoạt động nhận ủy thác và ủy thác

1. Quỹ được nhận ủy thác theo quy định Điều 32 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, cụ thể:

a) Quỹ được nhận ủy thác quản lý nguồn vốn đầu tư; cho vay và thu hồi nợ; cấp phát vốn đầu tư cho các công trình, dự án từ ngân sách nhà nước, từ các ngân hàng chính sách, từ các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; nhận ủy thác quản lý nguồn vốn, hoạt động của các quỹ tài chính nhà nước tại địa phương;

b) Việc nhận ủy thác của Quỹ thực hiện theo Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc hợp đồng nhận ủy thác ký kết giữa Quỹ với tổ chức, cá nhân ủy thác. Quyết định/hợp đồng nhận ủy thác bao gồm các nội dung cơ bản sau đây:

- Tên, địa chỉ, tư cách pháp nhân, người đại diện theo pháp luật của bên ủy thác (nếu có) và bên nhận ủy thác (Quỹ Đầu tư phát triển thành phố);
- Mục đích ủy thác; nội dung ủy thác;
- Số vốn ủy thác; thời hạn ủy thác; chi phí ủy thác;
- Đối tượng thụ hưởng; trách nhiệm thẩm định và giám sát hoạt động ủy thác; trách nhiệm xử lý rủi ro của bên ủy thác;
- Quyền và nghĩa vụ của các bên; xử lý các trường hợp chấm dứt văn bản ủy thác trước thời hạn; điều khoản về xử lý vi phạm (nếu có);
- Các nội dung khác do các bên thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật;
- Quỹ được trả chi phí ủy thác.

c) Quỹ có trách nhiệm hạch toán tách bạch vốn nhận ủy thác và tài sản hình thành từ vốn nhận ủy thác (nếu có) với nguồn vốn hoạt động và tài sản của Quỹ. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ phải đảm bảo không ảnh hưởng đến các hoạt động khác theo chức năng, nhiệm vụ của Quỹ.

2. Quỹ được ủy thác theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, cụ thể:

- a) Quỹ được ủy thác hoạt động nghiệp vụ cho các tổ chức tín dụng và các ngân hàng chính sách thực hiện. Việc ủy thác phải được thực hiện bằng văn bản ủy thác giữa Quỹ với tổ chức nhận ủy thác;
- b) Các tổ chức nhận ủy thác được trả chi phí dịch vụ ủy thác theo mức ghi tại văn bản ủy thác.

Điều 29. Thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương

Quỹ thực hiện nghiệp vụ phát hành trái phiếu chính quyền địa phương theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân thành phố theo quy định của pháp luật.

Điều 30. Thực hiện mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ nhà ở thành phố Cần Thơ

Quỹ Đầu tư phát triển thành phố Cần Thơ thực hiện mục tiêu, chức năng hoạt động của Quỹ nhà ở thành phố Cần Thơ, cụ thể:

1. Đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội để cho thuê.
2. Tạo lập nhà ở xã hội thông qua hình thức tiếp nhận, chuyển đổi công năng nhà ở thuộc tài sản công theo quy định của pháp luật về nhà ở và pháp luật có liên quan để cho thuê.
3. Tạo lập nhà ở, nhà ở xã hội thông qua hình thức mua của chủ đầu tư; đặt hàng, tiếp nhận, chuyển giao nhà ở, nhà ở xã hội của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; tiếp nhận nhà ở phục vụ tái định cư, tạm cư; tiếp nhận, chuyển giao nhà ở, nhà ở xã hội của tổ chức, cá nhân tự nguyện đóng góp để cho thuê.

4. Tạo lập nhà ở thông qua hình thức mua nhà ở thương mại để cho thuê đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

5. Tổ chức quản lý vận hành nhà ở do Quỹ đầu tư xây dựng, tạo lập để cho thuê theo quy định.

Điều 31. Nhiệm vụ khác

1. Trong quá trình thực hiện, Quỹ chủ động nghiên cứu đề xuất thực hiện nhiệm vụ khác (kể cả cơ chế, chính sách, dự án đầu tư) phù hợp với mục tiêu, hoạt động của Quỹ theo quy định Điều lệ này.

2. Tiếp nhận và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao cho Quỹ theo quy định.

Mục 2

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN

Điều 32. Trách nhiệm của Quỹ

1. Thực hiện đầu tư, cho vay theo danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay được Ủy ban nhân dân thành phố ban hành theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán và báo cáo theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

3. Tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

4. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định; cung cấp số liệu, công bố công khai về tình hình tài chính theo quy định của pháp luật.

5. Tuân thủ quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương.

Điều 33. Quyền hạn của Quỹ

1. Quyền hạn của Quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, bao gồm:

a) Tổ chức hoạt động theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật có liên quan;

b) Được lựa chọn các dự án đáp ứng đủ điều kiện để đầu tư, cho vay theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này;

c) Được tuyển chọn, bố trí, đào tạo và sử dụng lao động theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và các quy định của pháp luật có liên quan;

d) Được từ chối yêu cầu cung cấp thông tin hoặc sử dụng nguồn lực của Quỹ, nếu yêu cầu đó trái với quy định của pháp luật;

đ) Được liên hệ, phối hợp với các cơ quan chức năng, các đơn vị có liên quan trên địa bàn để tìm kiếm, xây dựng các dự án đầu tư.

2. Các quyền hạn khác

a) Được pháp luật bảo hộ với tư cách là một pháp nhân trước mọi hành vi trái pháp luật gây tổn hại đến tài sản, quyền lợi và uy tín của Quỹ;

b) Được yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, hồ sơ về tình hình tài chính, sản xuất kinh doanh để xem xét quyết định cho vay, đầu tư; trực tiếp thẩm định phương án tài chính, hiệu quả đầu tư của các dự án; định giá tài sản đảm bảo tiền vay; phân tích, đánh giá và giám sát quá trình triển khai thực hiện dự án;

c) Được thuê các tổ chức, chuyên gia tư vấn để xem xét, thẩm định một phần hoặc toàn bộ các dự án Quỹ cho vay, đầu tư; định giá tài sản đảm bảo tiền vay;

d) Được kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tình hình sản xuất, kinh doanh của chủ đầu tư vay vốn tại Quỹ; tình hình tài sản bảo đảm tiền vay; tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn Quỹ cho vay đầu tư cũng như các vấn đề liên quan đến việc thực hiện dự án đầu tư;

đ) Được đình chỉ hoặc báo cáo cấp thẩm quyền quyết định đình chỉ việc cho vay, đầu tư; thu hồi các khoản cho vay, đầu tư trước thời hạn nếu có đầy đủ chứng cứ chứng minh đối tượng sử dụng vốn không đúng mục đích, vi phạm hợp đồng hoặc vi phạm pháp luật;

e) Được đề nghị cơ quan chức năng, tổ chức có thẩm quyền hỗ trợ, ngăn chặn, xử lý theo quy định pháp luật đối với khách hàng, đối tác có đủ nguồn thu trả nợ, thực hiện cam kết, thỏa thuận cho Quỹ nhưng cố ý chây ỳ, chiếm dụng vốn và các khoản phải trả, không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, cam kết, thỏa thuận với Quỹ, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trong hoạt động của mình;

g) Được cho thuê, thế chấp, cầm cố, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Quỹ theo nguyên tắc có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành;

h) Trực tiếp quan hệ với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đàm phán, ký kết các hợp đồng vay vốn, nhận tài trợ, nhận ủy thác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, cùng có lợi theo đúng pháp luật Việt Nam và phạm vi hoạt động của Quỹ theo Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Chương IV

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN, BÁO CÁO VÀ GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Điều 34. Chế độ tài chính, kế toán và kiểm toán

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. Báo cáo tài chính năm của Quỹ phải được kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cơ chế tiền lương, thù lao, tiền thưởng, phụ cấp của người quản lý, người lao động Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn và hướng dẫn của Bộ Nội vụ. Việc xếp hạng Quỹ thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ.

4. Kết quả hoạt động của Quỹ là khoản chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập khác và tổng chi phí hợp lý, hợp lệ. Sau khi nộp thuế và các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về thuế, phần chênh lệch này được phân phối như sau:

- a) Bù đắp khoản chênh lệch thu chi âm đến thời điểm quyết toán;
- b) Trích 30% vào quỹ đầu tư phát triển;
- c) Trích 10% vào quỹ dự phòng tài chính; khi số dư quỹ bằng 25% vốn điều lệ của Quỹ thì không trích nữa;
- d) Trích tối đa không quá 03 tháng lương thực hiện của người lao động vào quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi; trích tối đa không quá 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý vào quỹ thưởng người quản lý;
- đ) Phần chênh lệch còn lại được tiếp tục bổ sung vào quỹ đầu tư phát triển để bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ.

5. Hàng năm, Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ. Báo cáo quyết toán chênh lệch thu chi của Quỹ phải kèm theo thuyết minh đánh giá kết quả, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ của Quỹ theo quy định tại Điều 67 Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

6. Quỹ thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ này.

7. Quỹ Nhà ở thực hiện chế độ tài chính, kế toán, chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 302/2025/NĐ-CP và các văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền ban hành.

Điều 35. Vốn chủ sở hữu

1. Vốn chủ sở hữu của Quỹ, bao gồm:

- a) Vốn điều lệ do chủ sở hữu cấp;
- b) Quỹ đầu tư phát triển;
- c) Các nguồn vốn khác của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

2. Thay đổi mức vốn điều lệ của Quỹ

- a) Trường hợp thay đổi mức vốn điều lệ ghi tại Quyết định tổ chức, sắp xếp lại, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết định;

b) Trường hợp cấp bổ sung vốn điều lệ từ quỹ đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ áp dụng theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính về phương thức xác định mức vốn điều lệ điều chỉnh của Quỹ phù hợp với tính chất hoạt động của Quỹ.

Điều 36. Hoạt động huy động vốn

1. Quỹ được huy động các nguồn vốn trung và dài hạn theo các hình thức sau đây:

a) Vay các tổ chức trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Việc vay vốn nước ngoài thực hiện theo quy định của pháp luật về vay nợ nước ngoài;

b) Phát hành trái phiếu Quỹ Đầu tư phát triển thành phố theo quy định của pháp luật;

c) Các hình thức huy động vốn trung và dài hạn khác theo Quy chế của Hội đồng quản lý Quỹ cho từng thời kỳ trên cơ sở nhu cầu thực tế và quy định pháp luật hiện hành.

2. Quỹ được nhận các khoản đặt cọc và ký cược theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Tổng mức vốn huy động của Quỹ theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tối đa bằng 06 lần vốn chủ sở hữu của Quỹ được ghi trên báo cáo tài chính năm hoặc báo cáo tài chính bán niên tại thời điểm gần nhất.

Điều 37. Phát hành trái phiếu Quỹ và vốn nhận ủy thác

1. Quỹ phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

2. Vốn nhận ủy thác theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP không thuộc vốn hoạt động của Quỹ và được hạch toán, quản lý tách bạch với vốn hoạt động của Quỹ.

Điều 38. Bảo toàn an toàn vốn của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm bảo toàn và sử dụng vốn đúng mục đích, đảm bảo an toàn vốn và tài sản theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều lệ này; báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về biến động vốn chủ sở hữu của Quỹ.

2. Việc bảo toàn vốn được thực hiện bằng các biện pháp sau đây:

a) Quản lý, sử dụng vốn, tài sản, phân phối chênh lệch thu chi, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, kiểm toán theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Tài chính và Điều lệ này;

b) Trích lập dự phòng rủi ro đối với hoạt động cho vay theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và trích lập dự phòng khác theo quy định đối với doanh nghiệp. Chi phí trích lập dự phòng được hạch toán vào chi phí hoạt động của Quỹ;

c) Mua bảo hiểm tài sản theo quy định của pháp luật;

d) Các biện pháp khác về bảo toàn vốn theo quy định của pháp luật đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 39. Kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm

1. Căn cứ vào kế hoạch hoạt động 05 năm được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Quỹ xây dựng kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính hàng năm, tham mưu Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt. Kế hoạch tài chính hàng năm bao gồm: kế hoạch thu nhập, chi phí, kế hoạch mua sắm tài sản cố định.

2. Quy trình phê duyệt và ban hành kế hoạch hàng năm như sau:

a) Trước ngày 31 tháng 7 hàng năm, Hội đồng quản lý Quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm tiếp theo;

b) Trước ngày 30 tháng 4 năm kế hoạch, Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, phê duyệt kế hoạch hoạt động, kế hoạch tài chính năm để Quỹ triển khai, thực hiện.

Điều 40. Chế độ báo cáo của Quỹ

1. Quỹ lập và gửi báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo này.

Điều 41. Giám sát và đánh giá hiệu quả hoạt động của Quỹ

1. Ủy ban nhân dân thành phố giám sát và đánh giá toàn diện hiệu quả hoạt động của Quỹ.

2. Hàng năm, Quỹ đánh giá hiệu quả hoạt động theo các chỉ tiêu bao gồm:

a) Chỉ tiêu 1: Doanh thu và thu nhập khác;

b) Chỉ tiêu 2: Chênh lệch thu - chi và tỷ suất chênh lệch thu - chi trên vốn chủ sở hữu;

c) Chỉ tiêu 3: Tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ cho vay (bao gồm trực tiếp cho vay và hợp vốn cho vay) và tỷ lệ các khoản nợ phải thu khó đòi trên tổng số vốn đầu tư;

d) Chỉ tiêu 4: Chấp hành pháp luật về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn, nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quy định về chế độ báo cáo tài chính và báo cáo để thực hiện giám sát tài chính.

3. Các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xác định và tính toán trên cơ sở báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán và các báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật. Khi tính toán các chỉ tiêu quy định tại khoản 2 Điều này được xem xét, loại trừ các yếu tố tác động:

a) Do thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh, chiến tranh và các nguyên nhân bất khả kháng khác;

b) Do Nhà nước điều chỉnh chính sách hoặc biến động của thị trường làm ảnh hưởng lớn đến doanh thu và tình hình hoạt động của Quỹ;

c) Do Quỹ thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

d) Nhà nước khoan nợ, giãn nợ, xóa nợ cho các đối tượng vay; điều chỉnh lãi suất cho vay tối thiểu của Quỹ.

4. Việc đánh giá xếp loại người quản lý của Quỹ thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP và Điều 17 Thông tư số 86/2021/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quy chế do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

Chương V

MỐI QUAN HỆ VÀ TRÁCH NHIỆM GIỮA QUỸ VỚI CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CÁC DOANH NGHIỆP VAY VÀ NHẬN VỐN ĐẦU TƯ CỦA QUỸ; TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN

Điều 42. Hoạt động của các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và các quy định của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Tổ chức công đoàn và các tổ chức chính trị - xã hội khác tại Quỹ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật của Nhà nước và quy định của các tổ chức đó.

3. Quỹ tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội hoạt động theo quy định.

Điều 43. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, sở, ban, ngành thành phố có trách nhiệm tham gia, phối hợp, hướng dẫn, giải quyết công việc liên quan đến hoạt động của Quỹ; tạo điều kiện thuận lợi cho Quỹ tiếp cận thông tin, tài liệu và vấn đề khác theo quy định.

1. Sở Tài chính

a) Theo dõi, giám sát việc thực hiện cơ chế quản lý tài chính kế toán của Quỹ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt quyết toán chênh lệch thu, chi hàng năm của Quỹ theo quy định;

c) Tham gia có ý kiến đối với danh mục lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ để trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

2. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh khu vực 14

a) Thực hiện quản lý hoạt động cho vay của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;

b) Phối hợp với Sở Tài chính theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện cho vay của Quỹ theo quy định;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Sở Nội vụ

a) Thực hiện chức năng quản lý nhà nước về quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp loại đối với Quỹ;

b) Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng, xếp loại đối với Quỹ phù hợp với hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Điều lệ này;

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

4. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về đất đai theo thẩm quyền; phối hợp, hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục về đất đai để Quỹ thực hiện các dự án đầu tư theo quy định;

b) Chỉ đạo Văn phòng đăng ký đất đai trực thuộc thực hiện đăng ký giao dịch đảm bảo đối với quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất mà Quỹ nhận thế chấp của tổ chức, cá nhân vay vốn; các công việc, nhiệm vụ khác theo thẩm quyền;

c) Hỗ trợ Quỹ trong các vụ việc tranh chấp, khởi kiện liên quan đến đất đai...;

d) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

5. Sở Xây dựng

a) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về xây dựng theo thẩm quyền; phối hợp, hướng dẫn các hồ sơ, thủ tục về xây dựng để Quỹ thực hiện các dự án đầu tư theo quy định;

b) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Các sở, ban, ngành thành phố

Theo chức năng, nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, tạo điều kiện, giải quyết công việc liên quan đến hoạt động của Quỹ.

Điều 44. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường

1. Tham gia, phối hợp, tạo điều kiện, giải quyết công việc theo nhiệm vụ, quyền hạn để Quỹ triển khai thực hiện các dự án đầu tư.
2. Chỉ đạo phòng/ban chuyên môn trực thuộc hướng dẫn, giải quyết công việc thuộc thẩm quyền hoặc trình Ủy ban nhân dân xã, phường giải quyết theo đề nghị của Quỹ.
3. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 45. Mọi quan hệ và trách nhiệm các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ

1. Quỹ có trách nhiệm hướng dẫn, thực hiện, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư theo quy định Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, Điều lệ này và quy chế nghiệp vụ của Quỹ.
2. Các doanh nghiệp vay và nhận vốn đầu tư của Quỹ có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và đúng nội dung cam kết theo hợp đồng ký kết, văn bản thỏa thuận với Quỹ.

Chương VI XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 46. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 47. Tổ chức, sắp xếp, cơ cấu lại và giải thể Quỹ

1. Việc tổ chức, sắp xếp, cơ cấu lại và giải thể Quỹ do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sau khi được Hội đồng nhân dân thành phố thông qua.
2. Các trường hợp giải thể Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.
3. Hội đồng giải thể, quy trình, trách nhiệm của Hội đồng giải thể và trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể
 - a) Hội đồng giải thể Quỹ, quy trình giải thể và trách nhiệm của Hội đồng giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 44, Điều 45 và Điều 47 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP;
 - b) Trách nhiệm của Quỹ sau khi có quyết định giải thể thực hiện theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 147/2020/NĐ-CP.

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 48. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hoạt động đầu tư, cho vay

a) Các dự án đầu tư, cho vay đã được cơ quan, người có thẩm quyền của thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang (cũ) cho chủ trương, quyết định đầu tư, ký kết hợp đồng trước ngày Điều lệ này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực theo chủ trương, quyết định đầu tư và hợp đồng cho đến hết thời gian ký kết;

b) Việc điều chỉnh, dừng, chấm dứt,... các dự án đầu tư tại điểm a khoản này thực hiện theo ý kiến của cơ quan, người có thẩm quyền (nếu có). Trường hợp sửa đổi, bổ sung các hợp đồng tại điểm a khoản này thì thực hiện theo thỏa thuận và phù hợp với quy định pháp luật hiện hành;

c) Đối với các dự án đầu tư đã được Quỹ (trước khi tổ chức, sắp xếp lại) bàn giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện (cũ), Ủy ban nhân dân cấp xã trước ngày 31 tháng 12 năm 2025 mà chưa hoàn trả xong vốn sau đầu tư cho Quỹ thì Ủy ban nhân dân cấp xã hiện nay nơi có dự án bàn giao có trách nhiệm hoàn trả vốn đầu tư cho Quỹ theo văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành.

2. Hoạt động nhận ủy thác

Hợp đồng nhận ủy thác giữa Quỹ và bên Ủy thác tiếp tục thực hiện cho đến khi cơ quan, người có thẩm quyền có văn bản chính thức thay đổi (nếu có). Trường hợp sửa đổi, bổ sung, thay thế hợp đồng thực hiện theo thỏa thuận và quy định hiện hành.

Điều 49. Quy trình sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ

Trong quá trình thực hiện, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổng hợp các khó khăn, vướng mắc, phát sinh, báo cáo Hội đồng quản lý Quỹ trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này cho phù hợp.

Điều 50. Tổ chức thực hiện

1. Hội đồng quản lý Quỹ, Ban kiểm soát Quỹ, Ban điều hành Quỹ tổ chức triển khai thực hiện Điều lệ này.

2. Những quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức và hoạt động của Quỹ chưa được quy định trong Điều lệ này thì áp dụng theo quy định đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu văn bản pháp luật được dẫn chiếu, để áp dụng tại Điều lệ này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó./.